

Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 58

U10
CI
DE
VIỆ
B. O.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Xuân Thanh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2013)
Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2013)
Ông Vũ Đức Thuận	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Trần Minh Ngọc	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2013)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên
Bà Nguyễn Việt Nga	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2013)
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Đức Thuận	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Trần Minh Ngọc	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2013)
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

1125
NG
THÊM
BIT
F N/
TF

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Ngọc Hùng

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

0
TY
/ H
TE
M
/ HP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Chủ động
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2014, từ trang 6 đến trang 58, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Số dư công nợ phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải trả người bán và người mua trả tiền trước tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm số dư công nợ của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội, Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (các công ty con của Tổng Công ty) chưa được xác nhận, đối chiếu với số tiền lần lượt là khoảng 125 tỷ VND, 226 tỷ VND, 363 tỷ VND và 168 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được các thư xác nhận, biên bản đối chiếu công nợ cũng như thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế để xác nhận tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải trả người bán và người mua trả tiền trước này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm khoảng 101,8 tỷ VND là giá trị xây dựng cơ bản dở dang của dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang và khoảng 21,8 tỷ VND là giá trị xây dựng cơ bản dở dang dự án 157 ha Nghi Sơn. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang đang trong quá trình dừng thực hiện và đề nghị các cấp có thẩm quyền phê duyệt để Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) nhận lại dự án từ Tổng Công ty, dự án 157 ha Nghi Sơn đã bị thu hồi Giấy chứng nhận Đầu tư và đang trong quá trình thực hiện các thủ tục thanh lý dự án theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty cam kết bảo lãnh thanh toán cho các tổ chức cho vay một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho tổ chức cho vay. Trong năm 2013, Tổng Công ty đã dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên và ghi nhận vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm là khoảng 216,9 tỷ VND (lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoảng 252,7 tỷ VND). Tổng Công ty vẫn đang đàm phán với các tổ chức cho vay về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh để giải chấp các thư bảo lãnh.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND và hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của các dự án này.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 40 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang trong quá trình tái cơ cấu.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Trong năm, lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ phát sinh với số tiền là khoảng 1.622,7 tỷ VND (lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là khoảng 3.075,1 tỷ VND), dư nợ vay ngân hàng quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoảng 1.473,4 tỷ VND (bao gồm 40,7 tỷ VND vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội đã bị ngân hàng khấu trừ tiền để thu hồi nợ như trình bày tại Thuyết minh số 21), dư nợ các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh quá hạn là khoảng 612,6 tỷ VND và tổng nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 1.337,5 tỷ VND. Các vấn đề này ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày trong Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0910-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		11.132.937.708.810	12.590.793.663.243
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.597.774.161.145	736.104.188.896
I. Tiền	111		1.001.328.605.228	290.546.717.388
2. Các khoản tương đương tiền	112		596.445.555.917	445.557.471.508
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	47.219.783.066	229.958.611.401
1. Đầu tư ngắn hạn	121		93.883.700.394	234.443.310.442
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(46.663.917.328)	(4.484.699.041)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.016.937.252.604	5.851.095.253.417
1. Phải thu khách hàng	131		1.308.381.956.461	1.457.790.545.893
2. Trả trước cho người bán	132	7	2.896.497.620.343	3.630.009.636.207
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		72.612.816.918	73.814.646.949
4. Các khoản phải thu khác	135	8	1.035.431.491.085	1.152.850.745.134
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.295.986.632.203)	(463.370.320.766)
IV. Hàng tồn kho	140	9	4.061.556.650.224	3.696.766.552.687
1. Hàng tồn kho	141		4.324.494.566.723	3.696.906.946.750
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(262.937.916.499)	(140.394.063)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.409.449.861.771	2.076.869.056.842
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.654.056.743	33.850.136.527
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	23	178.332.557.045	153.208.469.502
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	23	38.202.087.041	56.017.072.769
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	1.177.261.160.942	1.833.793.378.044

1010435104

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 58 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		5.382.721.717.473	6.363.221.846.040
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		199.209.684.765	5.355.983.869
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		194.474.919.028	-
2. Phải thu dài hạn khác	218		4.734.765.737	5.355.983.869
II. Tài sản cố định	220		3.536.229.669.018	4.421.762.625.614
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.977.050.125.597	1.844.055.025.533
- Nguyên giá	222		2.594.056.202.976	2.365.463.914.759
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(617.006.077.379)	(521.408.889.226)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	79.105.428.626	128.244.640.233
- Nguyên giá	225		109.377.743.918	161.684.209.984
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(30.272.315.292)	(33.439.569.751)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	403.719.647.537	507.696.600.672
- Nguyên giá	228		416.805.226.402	515.536.920.919
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.085.578.865)	(7.840.320.247)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	1.076.354.467.258	1.941.766.359.176
III. Bất động sản đầu tư	240	15	220.037.687.980	232.386.316.102
- Nguyên giá	241		231.435.776.768	239.969.599.047
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(11.398.088.788)	(7.583.282.945)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		906.802.609.305	1.066.032.370.840
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	291.704.720.527	317.803.654.870
3. Góp vốn liên doanh	253		13.801.292.000	13.801.292.000
4. Đầu tư dài hạn khác	258	18	829.456.824.273	894.392.506.093
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(228.160.227.495)	(159.965.082.123)
V. Tài sản dài hạn khác	260		482.918.122.881	593.968.963.016
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	328.782.736.227	398.369.337.346
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		43.430.508.514	87.355.050.399
3. Tài sản dài hạn khác	268		110.704.878.140	108.244.575.271
VI. Lợi thế thương mại	269	20	37.523.943.524	43.715.586.599
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		16.515.659.426.283	18.954.015.509.283

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 58 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		13.656.919.301.351	13.856.505.240.026
I. Nợ ngắn hạn	310		12.470.481.838.441	12.082.873.875.235
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	21	2.475.624.309.971	2.688.745.661.644
2. Phải trả người bán	312		1.397.759.001.914	1.480.714.386.947
3. Người mua trả tiền trước	313	22	6.278.386.150.284	6.230.381.745.440
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	23	92.652.964.378	107.347.950.097
5. Phải trả người lao động	315		77.136.200.777	68.869.481.045
6. Chi phí phải trả	316	24	839.266.656.590	621.428.483.244
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	25	1.302.493.899.243	877.671.688.762
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.162.655.284	7.714.478.056
II. Nợ dài hạn	330		1.186.437.462.910	1.773.631.364.791
1. Phải trả dài hạn người bán	331		2.620.062.581	-
2. Phải trả dài hạn khác	333		44.073.423.303	184.553.597.978
3. Vay và nợ dài hạn	334	26	1.022.329.166.252	1.468.127.388.400
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		11.325.744.022	11.362.562.776
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337		9.321.372.703	13.502.462.956
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		96.767.694.049	96.085.352.681
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.081.194.933.441	2.848.113.343.812
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	1.081.194.933.441	2.848.113.343.812
1. Vốn điều lệ	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.063.276.244	3.063.276.244
3. Cổ phiếu quỹ	414		(3.352.536.660)	(3.494.133.407)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		91.172.559.438	79.774.784.389
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		62.590.297.630	63.450.190.982
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.814.220.034	2.818.417.732
7. (Lỗ lũy kế)	420		(3.075.092.883.245)	(1.297.499.192.128)
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.777.545.191.491	2.249.396.925.445
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		16.515.659.426.283	18.954.015.509.283

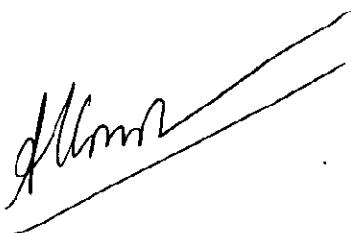
Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 58 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	31/12/2013	31/12/2012
1. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	9.716.217.233	9.716.217.233
2. Ngoại tệ các loại:			
- Đô la Mỹ	USD	69.967.892	82.317.943
- Euro	EUR	8	14



Bùi Hoàng Giang
Người lập

Ngày 31 tháng 3 năm 2014



Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Ngọc Hùng


000-
TY
HỮN H
ITE
AM
Y. HP


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.006.740.972.456	4.660.992.660.732
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		44.692.803.733	191.488.521.019
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	29	4.962.048.168.723	4.469.504.139.713
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	4.907.781.647.528	4.680.007.431.395
5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		54.266.521.195	(210.503.291.682)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	73.283.516.763	129.096.316.537
7. Chi phí tài chính	22	32	811.479.142.448	587.199.010.427
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		454.402.187.209	475.987.230.490
8. Chi phí bán hàng	24		16.884.051.758	15.955.198.139
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.248.072.342.746	1.036.029.727.950
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		(1.948.885.498.994)	(1.720.590.911.661)
11. Thu nhập khác	31		286.270.903.157	123.432.305.652
12. Chi phí khác	32		474.307.755.099	114.843.654.272
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(188.036.851.942)	8.588.651.380
14. (Lỗ) trong công ty liên kết	45		(21.820.633.478)	(111.859.764.350)
15. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(2.158.742.984.414)	(1.823.862.024.631)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	30.952.622.411	28.927.909.955
17. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34	38.655.163.497	(5.452.751.232)
18. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(2.228.350.770.322)	(1.847.337.183.354)
<i>Phân phối cho:</i>				
(Lỗ) sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(605.619.103.728)	(508.946.193.723)
(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(1.622.731.666.594)	(1.338.390.989.631)
19. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	35		(3.670)


 Bùi Hoàng Giang
 Người lập


 Lưu Đức Hoàng
 Kế toán trưởng


 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
 Bùi Ngọc Hùng

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 58 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. (Lỗ) trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>(2.158.742.984.414)</i>	<i>(1.823.862.024.631)</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	208.428.977.253	247.047.119.019
Các khoản dự phòng	03	1.205.788.197.532	432.060.065.235
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(11.491.636.071)	9.473.825.279
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(38.611.990.305)	(102.944.047.999)
Chi phí lãi vay	06	454.402.187.209	475.987.230.490
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>(340.227.248.796)</i>	<i>(762.237.832.607)</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	897.355.311.277	(1.456.235.696.678)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(627.587.619.973)	171.313.816.205
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	291.861.298.120	3.276.063.764.051
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	804.732.569.015	140.317.359.167
Tiền lãi vay đã trả	13	(211.097.548.963)	(282.776.928.903)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(22.069.013.038)	(80.082.309.003)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.458.498.300	4.415.988.697
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(28.721.032.109)	(1.789.038.510.667)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>766.705.213.833</i>	<i>(778.260.349.738)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(73.153.123.017)	(403.202.711.054)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	257.789.430.549	2.298.633.219
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.960.276.334)	(50.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	50.000.000.000	67.676.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(67.711.981.478)	(17.286.017.167)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	306.886.593.216	200.901.803.550
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	56.483.886.867	95.163.583.419
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>527.334.529.803</i>	<i>(104.448.708.033)</i>

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 58 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31	-	1.375.000.000.000
2. Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(29.710.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.824.946.718.053	2.968.510.582.628
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.226.848.630.369)	(3.488.941.990.923)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(30.710.281.374)	(19.749.226.403)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(432.612.193.690)	834.789.655.302
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	861.427.549.946	(47.919.402.469)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	736.104.188.896	784.019.160.576
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	242.422.303	4.430.789
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	1.597.774.161.145	736.104.188.896



Bùi Hoàng Giang
 Người lập

Ngày 31 tháng 3 năm 2014



Lưu Đức Hoàng
 Kế toán trưởng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Ngọc Hưng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước là 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 15 tháng 01 năm 2013, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.181.733.330.000 VND, chiếm 54,54%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 5.010 người (31 tháng 12 năm 2012: 5.862 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nổi, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát (công ty con). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tình hình tài chính của Công ty mẹ và một số công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội, Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí) có dấu hiệu nghi ngờ về tính hoạt động liên tục do công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn, không có khả năng chi trả các khoản vay ngắn hạn và các công ty này có lỗ lũy kế hoặc/và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh bị âm. Trong năm, lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ phát sinh với số tiền là khoảng 1.622,7 tỷ VND (lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là khoảng 3.075,1 tỷ VND), dư nợ vay ngân hàng quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoảng 1.473,4 tỷ VND (bao gồm 40,7 tỷ VND vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội đã bị ngân hàng khấu trừ tiền để thu hồi nợ như trình bày tại Thuyết minh số 21), dư nợ các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh quá hạn là khoảng 612,6 tỷ VND và tổng nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 1.337,5 tỷ VND. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2014 và các năm tiếp theo để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh cũng như Tổng Công ty sẽ được gia hạn thời gian trả nợ cho các khoản nợ quá hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lộ hóa dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Thái Bình, Nhiệt điện Vũng Áng, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và nợ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

DU
TY
HUU
PHI
NAN
TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản khác	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo .***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuê tài sản (Tiếp theo)**

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	2013
Máy móc, thiết bị	Số năm 8 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các năm kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng, chi phí phân bổ gián giáo cấp pha, lợi thế kinh doanh, chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giàn giáo cấp pha được trình bày theo nguyên giá trừ đi phần giá trị đã phân bổ lũy kế. Giàn giáo cấp pha được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6,5 năm.

Chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ qua Sân giao dịch Bất động sản - Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (dự án Petrovietnam Landmark tại phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh) được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ doanh thu được ghi nhận trong năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

110103011/11

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có các khoản lỗ tính thuế là khoảng 1.992 tỷ VND có thể khấu trừ với lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận tương ứng với số lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	9.424.348.195	25.532.092.863
Tiền gửi ngân hàng	991.893.034.858	265.013.319.525
Tiền đang chuyển	11.222.175	1.305.000
Các khoản tương đương tiền (i)	596.445.555.917	445.557.471.508
	<u>1.597.774.161.145</u>	<u>736.104.188.896</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng tại các ngân hàng thương mại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	93.883.700.394	234.443.310.442
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(46.663.917.328)	(4.484.699.041)
	<u>47.219.783.066</u>	<u>229.958.611.401</u>

(i) Đầu tư ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện các khoản đầu tư sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	39.922.789.041	23.996.789.041
Cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành vay (thời hạn cho vay 3 tháng)	-	86.134.500.000
Góp vốn đầu tư Khu đô thị Dầu khí Sông Hồng	27.500.000.000	27.500.000.000
Góp vốn đầu tư vào Dự án Golden Palace	-	20.049.750.000
Góp vốn đầu tư vào Dự án Chung cư BMM	23.253.395.500	23.253.395.500
Tiền gửi có kỳ hạn (từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng)	-	50.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	3.207.515.853	3.508.875.901
	<u>93.883.700.394</u>	<u>234.443.310.442</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Công nghiệp Daelim (*)	1.294.644.589.403	2.060.095.613.280
Tập đoàn Sojitz (*)	367.013.493.064	367.860.302.250
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	268.201.213.380	243.063.575.162
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	162.682.198.765	151.367.390.188
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát	46.690.673.152	46.690.673.152
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	44.521.327.592	46.311.636.911
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Công nghiệp Tàu thủy phía Nam	42.215.869.300	41.818.269.300
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	33.718.184.864	46.276.347.855
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	36.984.300.080	44.251.334.989
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	27.501.089.084	26.708.623.422
Liên doanh nhà thầu Sotraco- Seen- Asia Biogas	20.044.713.000	20.044.713.000
Các nhà cung cấp khác	552.279.968.659	535.521.156.698
	<u>2.896.497.620.343</u>	<u>3.630.009.636.207</u>

(*) Khoản trả trước cho liên danh nhà thầu Sojitz và Daelim liên quan đến hợp đồng mua thiết bị dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	234.468.094.150	198.999.199.967
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí-Idico	126.851.487.558	118.295.555.492
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	100.682.193.067	98.777.387.739
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (*)	100.063.500.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (**)	85.447.703.469	39.213.925.313
Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại An Thịnh Phát	45.477.848.975	45.477.848.975
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (PV EIC)	45.000.000.000	54.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	19.328.869.681	21.328.869.681
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	18.304.527.631	17.226.972.263
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OCG)	215.030.214	113.850.000.000
Công ty TNHH VNT	-	34.500.000.000
Tổng Công ty khí Việt Nam (PV Gas)	-	65.215.840.000
Phải thu khác	-	5.710.202.061
	259.592.236.340	340.254.943.643
	1.035.431.491.085	1.152.850.745.134

(*) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO (PVC - IMICO) tại SHB - Chi nhánh Thăng Long và thu hồi nợ quá hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền lần lượt là 39.213.925.313 VND và 46.233.778.156 VND. Do không đồng ý với việc khấu trừ tiền nói trên của SHB cũng như chưa thống nhất được phương án giải quyết vụ việc sau nhiều cuộc họp, làm việc giữa Tổng Công ty, SHB và PVC - IMICO, Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với đơn vị tư vấn luật để thống nhất quy trình, cách thức khởi kiện SHB. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

(**) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương thể hiện khoản tiền ngân hàng này đã khấu trừ từ tài khoản của Công ty mẹ - Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Công ty mẹ đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 38).

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	41.317.154.974	43.944.546.968
Công cụ, dụng cụ	8.429.612.509	8.623.604.413
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	3.677.553.377.552	3.210.365.531.112
Thành phẩm	30.058.684.082	61.957.815.985
Hàng hóa	442.905.404.089	343.568.592.983
Hàng hóa bất động sản	124.230.333.517	28.446.855.289
	4.324.494.566.723	3.696.906.946.750
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(262.937.916.499)	(140.394.063)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	4.061.556.650.224	3.696.766.552.687

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO (Tiếp theo)

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang xây dựng dở dang. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, chi phí sản xuất dở dang chi tiết theo các công trình như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công trình Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	801.750.067.464	132.712.081.534
Dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 (i)	594.165.259.416	272.276.483.131
Dự án chung cư cao cấp Mỹ Phú - Q.7 - TP. HCM	381.048.292.230	369.262.121.850
Công trình Ethanol (i)	336.647.526.961	356.127.289.854
Dự án chung cư cao tầng Thăng Long - Q.9 - TP. HCM (ii)	322.954.545.455	345.000.000.000
Công trình Petrovietnam Landmark	299.233.424.424	222.949.151.204
Công trình 242 Nguyễn Hữu Cảnh	147.384.730.989	-
Công trình LPG Lạnh	122.176.070.683	125.122.370.825
Công trình chung cư Petroland Quận 2, TP. HCM	-	203.930.405.718
Khu TTTM Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	-	419.381.257.051
Các công trình khác	672.193.459.930	763.604.369.945
	<u>3.677.553.377.552</u>	<u>3.210.365.531.112</u>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lượng hết của các dự án này. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

(ii) Thể hiện chi phí quyền sử dụng đất liên quan đến dự án chung cư cao tầng Thăng Long, Quận 9 là số tiền mà Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland - Công ty con của Tổng Công ty) trả cho Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh (gọi tắt là "Công ty Vũ Anh") theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 319/2010/HĐ-PETROLAND ký ngày 06 tháng 8 năm 2010 và các phụ lục hợp đồng để thực hiện các chi phí đền bù giải tỏa và các chi phí khác để có được quyền sử dụng đất cho lô đất với diện tích 60.626,4 m² thuộc dự án Khu nhà ở cao tầng và công trình công cộng tại Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng lô đất này của Petroland hiện đang chờ UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt. Khoản tiền này cũng được ghi nhận là khoản vốn góp của Petroland vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long (một công ty con của Petroland) trên báo cáo tài chính riêng của Petroland. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty Vũ Anh vẫn chưa thực hiện xong các thủ tục xin giao đất và quyết định giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	124.490.573.480	147.716.662.224
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	1.037.535.131.922	1.684.618.981.560
Tài sản ngắn hạn khác	15.235.455.540	1.457.734.260
	<u>1.177.261.160.942</u>	<u>1.833.793.378.044</u>

(i) Ký cược, ký quỹ ngắn hạn bao gồm số tiền 1.014.073.652.114 VND là số tiền ký quỹ để mở thanh toán cho các L/C nhập khẩu thiết bị cho Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 theo Hợp đồng tín dụng số 01/VCB-PVC ký ngày 12 tháng 12 năm 2012 giữa Tổng Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

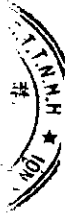
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
 Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
MẪU SỐ B 09-DN/HN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	1.130.078.843.166	943.508.697.956	203.016.346.627	80.514.487.582	8.345.539.428	2.365.463.914.759
Tăng do mua sắm	1.357.653.545	11.824.997.115	1.756.841.818	4.824.774.128	340.219.648	20.104.486.254
Tăng do mua lại tài sản cố định thuê tài chính:	-	-	7.139.859.179	-	-	7.139.859.179
Xây dựng cơ bản hoàn thành	451.369.106.951	-	-	-	-	451.369.106.951
Tăng từ hàng tồn kho, bất động sản đầu tư	96.314.299.264	-	-	-	-	96.314.299.264
Thanh lý, nhượng bán	(86.750.553.516)	(86.848.377.990)	(23.981.802.568)	(4.564.969.986)	(879.675.534)	(203.025.379.594)
Giảm do không hợp nhất công ty con (i)	(55.723.157.269)	-	-	(168.820.909)	-	(55.891.978.178)
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(8.411.862.096)	-	-	-	-	(8.411.862.096)
Giảm khác (ii)	(879.946.049)	(51.749.943.319)	(6.650.749.527)	(19.148.607.361)	(576.997.307)	(79.006.243.563)
Phần loại lại	(29.243.846.119)	(10.350.217.687)	48.430.093.721	(9.037.049.915)	201.020.000	-
Tại ngày 31/12/2013	1.498.110.537.877	806.385.156.075	229.710.589.250	52.419.813.539	7.430.106.235	2.594.056.202.976
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	60.355.352.918	299.538.394.485	105.299.884.576	51.831.831.886	4.383.425.361	521.408.889.226
Trích khấu hao trong năm	54.879.659.205	82.918.775.241	31.489.776.463	11.950.969.676	1.099.718.638	182.338.899.223
Tăng do mua lại tài sản cố định thuê tài chính:	-	-	4.439.446.861	-	-	4.439.446.861
Thanh lý, nhượng bán	(9.427.873.301)	(29.979.674.249)	(10.457.263.816)	(3.655.865.527)	(432.052.142)	(53.952.729.035)
Giảm do không hợp nhất công ty con (i)	(2.533.368.224)	-	-	(92.290.106)	-	(2.625.658.330)
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(115.985.080)	-	-	-	-	(115.985.080)
Giảm khác (ii)	(455.307.060)	(16.093.052.291)	(3.267.385.432)	(14.408.978.228)	(262.062.475)	(34.486.785.486)
Phần loại lại	(624.721.529)	(8.247.278.341)	16.213.615.245	(7.419.936.794)	78.321.419	-
Tại ngày 31/12/2013	102.077.756.929	328.137.164.845	143.718.073.897	38.205.730.907	4.867.350.801	617.006.077.379
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	1.396.032.780.948	478.247.991.230	85.992.515.353	14.214.082.632	2.562.755.434	1.977.050.125.597
Tại ngày 31/12/2012	1.069.723.490.248	643.970.303.471	97.716.462.051	28.682.655.696	3.962.114.067	1.844.055.025.533



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải không còn là công ty con của Tổng Công ty từ ngày 02 tháng 7 năm 2013 do Tổng Công ty không còn nắm quyền kiểm soát thông qua người đại diện phần vốn góp tại Công ty này.

(ii) Giảm khác chủ yếu là do Tổng Công ty phân loại lại nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cố định có nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 VND sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 979.120.572.344 VND (31 tháng 12 năm 2012: 752.011.221.580 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 89.692.609.604 VND (31 tháng 12 năm 2012: 65.315.668.341 VND).

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	76.751.803.613	84.932.406.371	161.684.209.984
Thuê tài chính trong năm	4.431.652.010	-	4.431.652.010
Phân loại lại sang TSCĐ hữu hình do mua lại	-	(7.131.809.179)	(7.131.809.179)
Thanh lý, nhượng bán	(39.168.933.099)	-	(39.168.933.099)
Giảm khác	(8.732.975.798)	(1.704.400.000)	(10.437.375.798)
Tại ngày 31/12/2013	33.281.546.726	76.096.197.192	109.377.743.918
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	20.386.472.864	13.053.096.887	33.439.569.751
Khấu hao trong năm	4.565.113.129	10.333.936.163	14.899.049.292
Phân loại lại sang TSCĐ hữu hình do mua lại	-	(4.439.446.861)	(4.439.446.861)
Thanh lý, nhượng bán	(10.688.742.488)	-	(10.688.742.488)
Giảm khác	(2.536.639.554)	(401.474.848)	(2.938.114.402)
Tại ngày 31/12/2013	11.726.203.951	18.546.111.341	30.272.315.292
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	21.555.342.775	57.550.085.851	79.105.428.626
Tại ngày 31/12/2012	56.365.330.749	71.879.309.484	128.244.640.233

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	500.334.790.154	25.000.000	15.073.130.765	104.000.000	515.536.920.919
Tăng do mua sắm	-	-	5.602.238.870	-	5.602.238.870
Tăng/(giảm) khác	(773.812.425)	-	231.361.911	(74.000.000)	(616.450.514)
Tăng từ hàng tồn kho	21.928.202.825	-	-	-	21.928.202.825
Thanh lý, nhượng bán	(123.319.496.494)	(25.000.000)	(2.301.189.204)	-	(125.645.685.698)
Tại ngày 31/12/2013	398.169.684.060	-	18.605.542.342	30.000.000	416.805.226.402
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	1.855.834.908	19.025.104	5.894.781.544	70.678.691	7.840.320.247
Khấu hao trong năm	959.745.479	-	4.730.794.580	-	5.690.540.059
Tăng/(giảm) khác	(511.229.329)	-	158.594.113	(40.678.691)	(393.313.907)
Thanh lý, nhượng bán	-	(19.025.104)	(32.942.430)	-	(51.967.534)
Tại ngày 31/12/2013	2.304.351.058	-	10.751.227.807	30.000.000	13.085.578.865
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	395.865.333.002	-	7.854.314.535	-	403.719.647.537
Tại ngày 31/12/2012	498.478.955.246	5.974.896	9.178.349.221	33.321.309	507.696.600.672

Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 124.583.595.638 VND (31 tháng 12 năm 2012: 13.841.318.833 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	202.254.038.171	194.788.420.496
Dự án Xuân Phương (i)	171.141.151.046	170.550.146.770
Dự án Khu đô thị mới Vũng Tàu	153.932.975.903	153.782.811.274
Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)	102.427.501.125	101.497.661.092
Công trình - Đầu tư Bất động sản Khu du lịch Thanh Bình P10	101.846.923.850	101.846.923.850
Dự án Khách sạn Lam Kinh	84.915.006.274	113.436.350.353
Công trình - Tòa nhà số 33 đường 30/4 Vũng Tàu	75.296.698.851	74.366.076.011
Dự án 157 ha tại Nghi Sơn (iii)	21.836.068.548	2.310.374.710
Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình	-	483.612.469.382
Công trình - Chung cư 242 Nguyễn Hữu Cánh, Vũng Tàu	-	122.067.615.550
Chung cư Nam An Khánh	-	116.575.996.438
Dự án trụ sở PVFC tại Hải Phòng	-	71.908.280.081
Các công trình, dự án khác	162.704.103.490	235.023.233.169
	<u>1.076.354.467.258</u>	<u>1.941.766.359.176</u>

(i) PVC-Đông Đô (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất lô CT5E tại Khu đô thị mới Xuân Phương để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Thể hiện giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang. Ngày 08 tháng 01 năm 2014, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 01/QĐ-BQL quyết định chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp cho Tổng Công ty thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã có Quyết định số 238/QĐ-DKVN ngày 09 tháng 01 năm 2014 về việc dừng thực hiện Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN về việc chuyển giao cho Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư Khu công nghiệp Tàu thủy Soài Rạp - Tiền Giang, theo đó PVN chấp thuận nguyên tắc thanh toán cho Tổng Công ty các chi phí Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư vào dự án kể từ thời điểm PVN ký biên bản bàn giao đến thời điểm có quyết định dừng chuyển nhượng dự án. Đồng thời ngày 20 tháng 01 năm 2014, PVN có Công văn số 470/DKVN-TCKT gửi UBND tỉnh Tiền Giang đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang chỉ đạo Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang không thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014 và đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang xem xét thống nhất chủ trương để PVN nhận lại dự án từ Tổng Công ty. Ngày 27 tháng 02 năm 2014, UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Thông báo số 32/TB-UBND, thống nhất chủ trương cho lùi thời hạn có hiệu lực của Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng Tổng Công ty sẽ được PVN thanh toán đầy đủ cho các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh có thể có nào liên quan đến các sự kiện trên.

(iii) Ngày 01 tháng 8 năm 2013, Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn đã ra Quyết định số 235/QĐ-BQLKKTNS về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận Đầu tư số 26221000081 ngày 23 tháng 10 năm 2010 của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn chấm dứt toàn bộ các hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (Công ty con của Tổng Công ty - chủ đầu tư dự án) liên quan đến dự án Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp I và khu tập kết vật tư, thiết bị xây dựng khu liên hợp hóa dầu Nghi Sơn, Thanh Hóa và thực hiện các thủ tục thanh lý dự án theo đúng quy định của pháp luật. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng Tổng Công ty sẽ được Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn thanh toán đầy đủ cho các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh có thể có nào liên quan đến các sự kiện trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	84.898.208.963	155.071.390.084	239.969.599.047
Tăng trong năm	115.058.235.243	12.488.128.178	127.546.363.421
Thanh lý, nhượng bán	(18.662.340.252)	(44.172.371.187)	(62.834.711.439)
Giảm do không hợp nhất các công ty con (i)	-	(73.245.474.261)	(73.245.474.261)
Tại ngày 31/12/2013	181.294.103.954	50.141.672.814	231.435.776.768
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	7.583.282.945	-	7.583.282.945
Khấu hao trong năm	4.631.953.040	868.535.639	5.500.488.679
Tăng khác	211.168.483	-	211.168.483
Thanh lý, nhượng bán	(1.896.851.319)	-	(1.896.851.319)
Tại ngày 31/12/2013	10.529.553.149	868.535.639	11.398.088.788
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	170.764.550.805	49.273.137.175	220.037.687.980
Tại ngày 31/12/2012	77.314.926.018	155.071.390.084	232.386.316.102

- (i) Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN) (i)	Hà Nội	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) (i)	Hà Nội	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cà Mau	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-Thanh Hóa) (i)	Thanh Hóa	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land)	Thành phố Hồ Chí Minh	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
10	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
11	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (i)	Hà Nội	36%	36%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
13	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt)	Thành phố Hồ Chí Minh	49%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
14	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	43%	65%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn

- (i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% tại PVC-HN, PVC-ME, PVC-Thanh Hóa, PVC-Đông Đô và PVC-Petroland nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

Theo Quyết định số 2334a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2013 - 2015 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây lắp khu vực miền Bắc), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây lắp khu vực miền Trung), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây dựng khu vực miền Nam), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT), Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty chưa thực hiện đầu tư vào công ty này). Đồng thời, Hội đồng Thành viên PVN cũng thống nhất chủ trương thoái hết vốn/giải thể/sáp nhập/phá sản trong giai đoạn 2013 - 2015 các đơn vị: Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land), Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland), Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC-Phú Đạt), Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện quyết định nêu trên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Nghị quyết số 113/NQ-XLKD phê duyệt phương án tái cơ cấu một số đơn vị thành viên của Tổng Công ty và Nghị quyết số 185/NQ-XLKD ngày 10 tháng 3 năm 2014 chấp thuận chủ trương thoái phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, theo đó Tổng Công ty sẽ thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư vào công ty con (là các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và không nằm trong danh sách công ty con được phê duyệt trong phương án tái cấu trúc theo Quyết định số 2334a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên PVN) trong năm 2014 và 2015. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn nắm quyền kiểm soát các đơn vị này. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	425.853.447.055	418.753.447.055
Lỗi lũy kế từ công ty liên kết	(134.148.726.528)	(100.949.792.185)
	<u>291.704.720.527</u>	<u>317.803.654.870</u>

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tổng tài sản	5.227.131.089.916	5.727.138.633.013
Tổng công nợ	4.015.800.580.369	4.561.587.932.932
Tài sản thuần	1.211.330.509.547	1.165.550.700.081
Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<u>291.704.720.527</u>	<u>317.803.654.870</u>
	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Doanh thu	1.071.848.310.199	1.551.896.343.693
Lỗ thuần	(244.263.740.439)	(369.786.048.043)
Lỗ thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	<u>(21.820.633.478)</u>	<u>(111.859.764.350)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về một số công ty liên kết chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2013 VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	44	44	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
2	Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	2.600.000.000	26	26	Kinh doanh vật tư thiết bị ngành điện, cơ điện
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam - SSG	Hà Nội	100.000.000.000	26	26	Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản
4	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	20.000.000.000	50	50	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
5	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Nghệ An	55.000.000.000	23	23	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	86.819.907.055	25	25	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	Hà Nội	30.000.000.000	27	27	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	35.163.540.000	19	23	Sản xuất công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Xây lắp và vật liệu Xây dựng dầu khí Sông Hồng	Hà Nội	7.000.000.000	14	39	Xây dựng
10	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC- Trường Sơn	Quảng Bình	18.130.000.000	12	24	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
11	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Hải Phòng	63.900.000.000	35	35	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
12	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông liên minh Dầu khí (Petro-link) (i)	Hà Nội	3.500.000.000	97	35	Truyền thông và thương mại
			425.853.447.055			

CÔNG TY CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ VÀO
 DẦU KHÍ VIỆT NAM

(i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Petro-link tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35%. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày tương ứng là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đầu tư dài hạn (i)	546.716.021.999	576.966.021.999
Hợp đồng hợp tác đầu tư	282.740.802.274	315.608.302.274
Khác	-	1.818.181.820
	829.456.824.273	894.392.506.093

(i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	VND	Tỷ lệ phần sở hữu %
1 Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15,0%	147.300.000.000	15,0%
2 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico	136.068.065.000	16,0%	136.068.065.000	16,0%
3 Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	86.100.000.000	14,0%	86.100.000.000	14,0%
4 Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (*)	37.500.000.000	14,0%	-	-
5 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC	30.000.000.000	10,0%	30.000.000.000	10,0%
6 Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	16.764.968.199	14,7%	16.764.968.199	14,7%
7 Công ty Cổ phần Hải Đăng	15.000.000.000	5,0%	15.000.000.000	5,0%
8 Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	13.200.000.000	6,0%	13.200.000.000	6,0%
9 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5,0%	12.500.000.000	5,0%
10 Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	10.200.000.000	12,8%	10.200.000.000	12,8%
11 Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí	50.000.000	0,4%	78.000.000.000	15,6%
12 Các khoản đầu tư dài hạn khác	42.032.988.800		31.832.988.800	
	546.716.021.999		576.966.021.999	

(*) Trong năm, Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON tăng thêm vốn điều lệ, nhưng Tổng Công ty không góp vốn thêm nên tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty trong công ty này giảm xuống dưới 20%. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON được phân loại sang đầu tư dài hạn khác.

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	96.315.363.964	108.364.004.812
Chi phí trả trước cho công cụ, dụng cụ, lán trại	61.767.744.191	58.924.728.846
Hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	100.960.826.076	103.055.961.057
Lợi thế kinh doanh (i)	46.691.979.000	61.725.305.796
Chi phí dịch vụ bán căn hộ qua sàn giao dịch bất động sản (ii)	15.888.067.159	14.231.623.641
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.158.755.837	52.067.713.194
	328.782.736.227	398.369.337.346

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(i) Lợi thế kinh doanh chủ yếu bao gồm 43.536.700.000 VND là giá trị sau khi đánh giá lại quyền sử dụng đất có thời hạn (hết hạn vào năm 2015) tại Vũng Tàu của PVC-IC (Công ty con của Tổng Công ty) theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 04 tháng 02 năm 2010 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt tại Nghị quyết số 1138/NQ-XLKD ngày 30 tháng 12 năm 2009 về việc phê duyệt phương án xử lý đất đai phục vụ công tác chuyển đổi các Công ty TNHH MTV của Tổng Công ty sang Công ty Cổ phần. Trong năm, PVC-IC không thực hiện phân bổ đối với các lợi thế kinh doanh này do có kế hoạch đầu tư xây dựng các khu phức hợp thương mại dịch vụ, văn phòng cho thuê, căn hộ để kinh doanh.

(ii) Chi phí dịch vụ bán căn hộ (dự án PetroVietnam Landmark tại phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh) qua sân giao dịch bất động sản theo quy định tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Sân giao dịch Bất động sản - Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam ký với PVC-Land (Công ty con của Tổng Công ty).

20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>Lợi thế thương mại</u>
	<u>VND</u>
NGUYỄN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2013	
Tại ngày 31/12/2013	64.493.904.711
	64.493.904.711
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2013	
Khấu hao trong năm	20.778.318.112
Tại ngày 31/12/2013	6.191.643.075
	26.969.961.187
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2013	
Tại ngày 31/12/2012	37.523.943.524
	43.715.586.599

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn		
- Vay tại Công ty mẹ	2.138.310.273.526	2.394.095.684.444
- Vay tại các công ty con	995.733.981.983	1.098.797.418.550
	1.142.576.291.543	1.295.298.265.894
Vay dài hạn đến hạn trả		
- Vay tại Công ty mẹ	310.736.035.520	262.974.576.388
- Vay tại các công ty con	19.038.873.320	9.519.436.660
	291.697.162.200	253.455.139.728
Nợ dài hạn đến hạn trả		
- Nợ tại Công ty mẹ	26.578.000.925	31.675.400.812
- Nợ tại các công ty con	2.505.814.000	1.071.505.306
	24.072.186.925	30.603.895.506
	<u>2.475.624.309.971</u>	<u>2.688.745.661.644</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (i)	1.063.239.379.370	1.146.940.681.902
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	43.292.307.823	70.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	204.759.611.399	202.239.674.939
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	83.768.641.282	239.880.556.470
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt	136.704.604.067	173.612.423.758
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	70.027.759.266	138.607.216.531
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP HCM	134.631.195.401	90.753.611.100
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	99.478.464.073	101.304.979.672
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	49.961.348.093	64.350.219.871
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	55.795.785.745	58.348.978.789
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	18.600.705.029	25.546.428.179
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	178.050.471.978	82.510.913.233
	<u>2.138.310.273.526</u>	<u>2.394.095.684.444</u>

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Tổng Công ty. Trong đó các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC đã quá hạn từ ngày 21 tháng 10 năm 2011 và phải chịu lãi suất quá hạn là 8,25%/năm, Hợp đồng tín dụng số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC quá hạn từ ngày 31 tháng 12 năm 2011 và phải chịu lãi quá hạn 7,35%/năm, Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC quá hạn từ ngày 31 tháng 5 năm 2012 và phải chịu lãi quá hạn 7,35%/năm. Tổng số nợ gốc quá hạn tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 955.033.981.983 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có các khoản vay tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng đã quá hạn với số tiền như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	955.033.981.983	1.058.097.418.550
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	24.396.753.678	121.462.877.481
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội (*)	40.700.000.000	40.700.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	70.027.759.266	97.494.240.291
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	99.478.464.073	96.071.722.220
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt	75.534.368.809	75.534.368.809
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt	92.786.369.761	52.035.219.871
Các ngân hàng, tổ chức tín dụng khác	115.482.524.452	46.610.262.578
	<u>1.473.440.222.022</u>	<u>1.588.006.109.800</u>

(*) Dư nợ vay quá hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) chủ yếu là dư nợ vay của Công ty mẹ - Tổng Công ty theo Hợp đồng số SHBTL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa SHB - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty. Như trình bày tại Thuyết minh số 8, ngày 6 tháng 4 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội thực hiện khấu trừ 46.233.778.156 VND từ tài khoản tiền gửi 50 tỷ VND của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tiền gửi số 28022013/HDTG/SHB-PVC ngày 28 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty và SHB - Chi nhánh Hà Nội để thu hồi khoản nợ đã quá hạn nêu trên của Tổng Công ty (trong đó dư nợ gốc là 40.700.000.000 VND, lãi quá hạn và phí phạt quá hạn là 5.533.778.156 VND). Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với đơn vị tư vấn luật để thống nhất quy trình, cách thức khởi kiện SHB. Do đó, Tổng Công ty chưa ghi giảm số dư vay và lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền lần lượt là 40.700.000.000 VND và 5.533.778.156 VND. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước chủ yếu bao gồm số tiền nhận trước từ Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 với số tiền 4.711.835.417.678 VND liên quan đến Hợp đồng thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ, THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Phải nộp tại		Phải nộp tại	
	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	69.494.090.682	334.854.995.303	336.566.488.147	67.782.597.838
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	46.359.357.114	46.359.357.114	-
Thuế nhập khẩu	-	4.797.704.644	4.797.704.644	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(40.916.745.060)	39.401.501.479	22.069.013.038	(23.584.256.619)
Thuế thu nhập cá nhân	3.883.067.242	24.041.453.166	23.349.012.213	4.575.508.195
Tiền thuế đất	(226.207.697)	5.231.384.066	5.005.176.369	-
Thuế môn bài	-	74.000.000	74.000.000	-
Thuế khác	17.973.245.076	14.678.211.285	27.933.416.483	4.718.039.878
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	1.123.427.085	20.119.794.417	20.284.233.457	958.988.045
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	51.330.877.328	489.558.401.474	486.438.401.465	54.450.877.337

Trong đó:

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	56.017.072.769	38.202.087.041
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	107.347.950.097	92.652.964.378

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đang trong quá trình làm thủ tục xin hoàn thuế giá trị gia tăng được khấu trừ tại một số đơn vị.

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí trích trước của các công trình xây dựng	657.229.260.290	497.446.338.034
Chi phí trích trước lãi vay	164.787.882.284	83.018.454.673
Chi phí phải trả khác	17.249.514.016	40.963.690.537
	839.266.656.590	621.428.483.244

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	252.719.596.540	35.784.533.222
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	237.384.966.691	228.847.366.691
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (ii)	177.051.706.804	97.319.407.289
Chi phí lãi vay	174.901.188.954	89.470.162.426
Phải trả khách hàng thanh lý hợp đồng mua căn hộ	42.317.533.127	44.231.406.871
Sở Tài chính Hà Nội (iii)	41.405.472.584	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	28.000.000.000	28.000.000.000
Nhận đặt cọc ngắn hạn	25.733.674.194	28.441.330.028
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	11.193.555.393	32.064.504.287
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	311.786.204.956	293.512.977.948
	1.302.493.899.243	877.671.688.762

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)

- (i) Số còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) chủ yếu bao gồm: (a) giá trị 10.000.000 cổ phần nhận chuyển nhượng với giá 10.000 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (PAP) theo Hợp đồng số 8345/HĐ-DKVN ngày 20/9/2010, (b) giá trị 13.909.896 cổ phần với giá 10.509 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí (PV MACHINO) theo Hợp đồng số 5650/HĐ-DKVN ngày 15/7/2010 ký với PVN, và (c) vốn PVN hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang. Các khoản phải trả này đã quá hạn thanh toán từ năm 2011.
- (ii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty con theo các hợp đồng hỗ trợ vốn để thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương. Các khoản phải trả này đã quá hạn thanh toán từ năm 2012.
- (iii) Khoản phải trả Sở Tài chính Hà Nội thể hiện số tiền chênh lệch giữa giá trúng đấu giá và giá bán chỉ định cơ sở nhà đất tại 69 Nguyễn Du, Hà Nội sau khi trừ đi các khoản chi phí và thuế thu nhập doanh nghiệp Tổng Công ty đã nộp trong năm 2010.

26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Vay dài hạn		
- Vay tại Công ty mẹ	1.205.462.844.786	1.564.871.632.337
- Vay tại các công ty con	38.077.746.640	47.597.183.300
Nợ thuê tài chính dài hạn	1.167.385.098.146	1.517.274.449.037
- Nợ dài hạn tại Công ty mẹ	59.180.357.911	102.905.733.263
- Nợ dài hạn tại các công ty con	11.276.153.008	1.071.505.306
Trái phiếu phát hành	47.904.204.903	101.834.227.957
	95.000.000.000	95.000.000.000
	<u>1.359.643.202.697</u>	<u>1.762.777.365.600</u>
Trong đó		
Số phải trả trong vòng 12 tháng	337.314.036.445	294.649.977.200
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.022.329.166.252</u>	<u>1.468.127.388.400</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (i)	338.145.167.539	387.560.370.200
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (ii)	214.532.843.707	453.772.320.115
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (iii)	320.841.540.236	266.795.315.430
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	331.943.293.304	456.743.626.592
	<u>1.205.462.844.786</u>	<u>1.564.871.632.337</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (i) Số dư các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm 2 khoản vay chính sau:
- Khoản vay dài hạn của Công ty mẹ - Tổng Công ty nhận chuyển nhượng lại từ PVC - ME (Công ty con của Tổng Công ty) theo Hợp đồng Chuyển giao Quyền và Nghĩa vụ ba bên giữa PVC - ME, Tổng Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ngày 30 tháng 11 năm 2012. Theo đó, Tổng Công ty nhận chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ, trong đó có nghĩa vụ là trả nợ vay trung hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với tổng số tiền nhận nợ là 47.597.183.300 VND, thời hạn trả nợ khoản vay là ngày 03 tháng 9 năm 2015, lãi suất của khoản vay trong năm từ 11%/năm đến 15%/năm; và Tổng Công ty có quyền nhận chuyển nhượng một số máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải có giá trị còn lại được định giá 49.546.000.000 VND được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay trung hạn trên. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, PVC - ME vẫn chưa chuyển giao quyền sở hữu những tài sản này cho Tổng Công ty.
 - Khoản vay của PVC-Petroland tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 09.102035/HĐTD-TDH ngày 07 tháng 01 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ VND nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VietinBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- (ii) Số dư các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (Oceanbank) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm 2 khoản vay chính sau:
- Khoản vay của PVC-MS tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 083/HĐTD1-OCEANBANK.790-PVCMS ngày 26 tháng 6 năm 2011, với hạn mức vay là 480 tỷ VND. Khoản vay này chịu lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay tối đa không quá 3 năm. Khoản vay được sử dụng để thực hiện đầu tư dự án xây dựng bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Sao Mai - Bến Đình và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Khoản vay của PVC-ME từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 0038/2010/HĐTD1-OCEANBANK07 ngày 24 tháng 8 năm 2010 cho mục đích tài trợ tín dụng dài hạn và mở L/C để thanh toán cho dự án “Đầu tư mua sắm hệ thống thiết bị phục vụ khoan cọc nhồi trên biển nhằm nâng cao năng lực thi công khoan cọc nhồi vào đá trên biển có đường kính khoan lớn”, thời hạn vay 7 năm. Lãi suất trong hạn là 15%/năm. Gốc được hoàn trả 6 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Số dư các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu bao gồm 2 khoản vay của PVC - Thanh Hóa:
- Hợp đồng số 01/2010/HĐTD-DH/04032010/PVFCTL-PVFCLAND và Phụ lục Hợp đồng số 01/2010/HĐTD-DH/04032010/PVFCTL-PVFCLAND/PL02 với hạn mức vay là 295 tỷ VND. Mục đích sử dụng là để thanh toán các chi phí thuộc tổng mức đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh thuộc khu tổ hợp Thương mại-Dịch vụ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Thanh Hóa. Thời hạn vay là từ ngày 27 tháng 12 năm 2010 đến ngày 15 tháng 4 năm 2022. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần tính từ ngày 15 tháng 01 năm 2011, lãi được trả định kỳ 3 tháng 1 lần tính từ ngày 27 tháng 12 năm 2010. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh, nguồn thu từ dự án và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư từ dự án.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN**26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- Hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD-DH/PVFCTL08, Phụ lục Hợp đồng số 14/HĐTD-DH/PVFCTL08 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 28 tháng 01 năm 2011. Số tiền vay là 26.259.885.960 VND, mục đích sử dụng vốn vay là đầu tư tòa nhà trụ sở 38A Lê Lợi. Thời hạn vay là 10 năm tính từ ngày 24 tháng 12 năm 2010. Lãi được trả định kỳ 3 tháng 1 lần tính từ ngày 27 tháng 12 năm 2010. Lãi suất điều chỉnh 3 tháng 1 lần tính từ ngày 28 tháng 01 năm 2011. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ trụ sở văn phòng 38A Lê Lợi.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	310.736.035.520	262.974.576.388
Trong năm thứ hai	284.516.654.642	670.884.840.443
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	313.792.582.862	381.108.380.760
Sau năm năm	296.417.571.762	249.903.834.746
	1.205.462.844.786	1.564.871.632.337
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	310.736.035.520	262.974.576.388
Số phải trả sau 12 tháng	894.726.809.266	1.301.897.055.949

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	26.578.000.925	31.675.400.812
Trong năm thứ hai	19.781.419.162	48.519.048.591
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	12.820.937.824	22.711.283.860
	59.180.357.911	102.905.733.263
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	26.578.000.925	31.675.400.812
Số phải trả sau 12 tháng	32.602.356.986	71.230.332.451

Trái phiếu phát hành được hoàn trả theo lịch biểu sau:

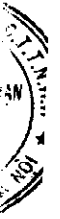
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	-	-
Trong năm thứ hai	95.000.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	95.000.000.000
	95.000.000.000	95.000.000.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	-	-
Số phải trả sau 12 tháng	95.000.000.000	95.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch lý giá hối đoái VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý dự phòng tài chính VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	(Lỗ) lũy kế VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	2.500.000.000.000	4.144.268.326	3.063.276.244	(6.543.182.595)	(19.115.598.973)	63.033.272.801	52.675.506.824	4.028.121.130	154.659.880.080	2.755.945.543.837
- Nhận vốn góp	1.375.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1.375.000.000.000
- Đánh giá chênh lệch lý giá	-	-	-	-	19.115.598.973	-	-	-	-	19.115.598.973
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.338.390.989.631)	(1.338.390.989.631)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(519.450.862)	-	-	-	-	(519.450.862)	(519.450.862)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	18.989.583.862	10.716.093.498	368.348.753	(39.614.477.438)	(9.540.451.325)
- Ảnh hưởng điều chỉnh hối đoái của Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	125.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	30.987.347.890	30.987.347.890
- Thay đổi do hợp nhất thêm/thanh lý công ty con	-	(4.144.268.326)	-	3.568.500.050	-	(2.248.072.274)	64.393.806	(1.327.301.752)	(125.000.000.000)	-
- Lợi nhuận chưa thực hiện - Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.086.748.496)
Tại ngày 01/01/2013	4.000.000.000.000	-	3.063.276.244	(3.494.133.407)	-	79.774.784.389	63.450.190.982	2.818.417.732	(1.297.499.192.128)	2.848.113.343.812
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	22.296.375.141	22.296.375.141
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(5.803.146)	(250.750.399)	(2.437.328.170)	(2.693.881.715)
- Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	-	-	8.473.680.016	2.889.314.741	-	(1.622.731.666.594)	(1.622.731.666.594)
- Chia lợi nhuận theo hợp đồng liên danh	-	-	-	-	-	-	-	-	(15.690.035.541)	(4.327.040.784)
- Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(110.681.293.223)	(110.681.293.223)
Tại ngày 31/12/2013	4.000.000.000.000	-	3.063.276.244	(3.352.336.660)	-	2.924.095.033	(3.749.208.093)	(4.197.698)	(6.700.221.882)	(6.700.221.882)
						91.172.559.438	62.590.297.630	2.814.220.034	(3.075.092.883.245)	1.081.194.933.441



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 13 ngày 15 tháng 01 năm 2013, tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng Công ty đều bằng 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	31/12/2013		31/12/2012	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.181.733.330.000	54,54%	2.181.733.330.000	54,54%
Các cổ đông khác	1.818.266.670.000	45,46%	1.818.266.670.000	45,46%
	4.000.000.000.000	100%	4.000.000.000.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2013	31/12/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận Xây lắp, Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng và Bộ phận dịch vụ và khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- | | |
|-----------------------------------|---|
| Bộ phận Xây lắp | - xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; |
| Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng | - kinh doanh nhà và hạ tầng; |
| Bộ phận dịch vụ và khác | - cung cấp các dịch vụ liên quan tới xây lắp và bất động sản. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tài sản	Xây lắp VND	Kinh doanh nhà và hạ tầng VND	Dịch vụ và khác VND	Loại trừ khi hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	14.979.497.720.010	3.663.153.203.238	1.234.667.145.246	(3.226.435.963.482)	16.650.882.105.012
Lỗ từ công ty liên kết	(135.222.678.729)				(135.222.678.729)
Tổng tài sản hợp nhất					<u>16.515.659.426.283</u>
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	12.940.980.499.187	1.683.565.902.193	962.388.177.331	(1.930.015.277.360)	13.656.919.301.351
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>13.656.919.301.351</u>

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tài sản	Xây lắp VND	Kinh doanh nhà và hạ tầng VND	Dịch vụ và khác VND	Loại trừ khi hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	17.279.910.830.159	4.412.752.563.479	803.987.178.275	(4.164.838.966.460)	18.331.811.605.453
Lỗ từ công ty liên kết	(98.750.926.600)				(98.750.926.600)
Tài sản không phân bổ					720.954.830.430
Tổng tài sản hợp nhất					<u>18.954.015.509.283</u>
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	12.797.473.514.990	2.207.001.073.785	544.270.110.372	(1.962.384.933.238)	13.586.359.745.909
Nợ phải trả không phân bổ					270.145.494.117
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>13.856.505.240.026</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Xây lắp	Kinh doanh nhà và hạ tầng	Dịch vụ và khác	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.377.753.554.821	560.125.590.695	386.955.941.219	(362.786.918.012)	4.962.048.168.723
Giá vốn hàng bán	4.308.546.549.103	583.079.524.245	425.941.691.240	(409.786.117.060)	4.907.781.647.528
Kết quả kinh doanh bộ phận	69.207.005.718	(22.953.933.550)	(38.985.750.021)	46.999.199.048	54.266.521.195
Chi phí không phân bổ					(1.264.956.394.504)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh					(1.210.689.873.309)
Phản lỗ trong công ty liên kết					(21.820.633.478)
Lỗ khác					(188.036.851.942)
Lỗ từ hoạt động tài chính					(738.195.625.685)
Lỗ trước thuế					(2.158.742.984.414)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(69.607.785.908)
Lỗ trong năm					(2.228.350.770.322)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Xây lắp	Kinh doanh nhà và hạ tầng	Dịch vụ và khác	Loại trừ khi hợp nhất	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.555.563.113.963	453.123.141.273	314.445.954.436	(853.628.069.959)	4.469.504.139.713
Giá vốn hàng bán	4.742.447.774.885	449.059.950.869	318.966.429.798	(830.466.724.157)	4.680.007.431.395
Kết quả kinh doanh bộ phận	(186.884.660.922)	4.063.190.404	(4.520.475.362)	(23.161.345.802)	(210.503.291.682)
Chi phí không phân bổ					(1.051.984.926.089)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh					(1.262.488.217.771)
Phần lỗ trong công ty liên kết					(111.859.764.350)
Lợi nhuận khác					8.588.651.380
Lỗ từ hoạt động tài chính					(458.102.693.890)
Lỗ trước thuế					(1.823.862.024.631)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(23.475.158.723)
Lỗ trong năm					(1.847.337.183.354)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng Công ty hoạt động trên địa bàn Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam Việt Nam. Hoạt động xây lắp được thực hiện trên cả 3 miền.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Miền Bắc	2.506.199.863.548	1.846.847.772.101
Miền Trung	83.538.877.442	200.146.358.637
Miền Nam	2.735.096.345.745	3.276.138.078.934
Loại trừ trên Báo cáo hợp nhất	(362.786.918.012)	(853.628.069.959)
	<u>4.962.048.168.723</u>	<u>4.469.504.139.713</u>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND	VND	VND
Miền Bắc	12.924.155.848.794	15.214.153.787.519	83.358.743.540	111.640.581.065
Miền Trung	395.903.103.942	717.332.428.149	222.000.000	2.631.657.434
Miền Nam	6.557.259.115.758	7.286.119.186.675	126.633.379.133	79.645.439.483
Loại trừ trên Báo cáo hợp nhất	(3.361.658.642.211)	(4.263.589.893.060)	-	-
	<u>16.515.659.426.283</u>	<u>18.954.015.509.283</u>	<u>210.214.122.673</u>	<u>193.917.677.982</u>

29. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Hoạt động xây lắp	4.016.648.705.074	3.708.551.869.889
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	560.125.590.695	453.123.141.273
Hoạt động dịch vụ	188.059.719.099	106.227.099.971
Hoạt động tư vấn xây dựng	4.502.089.512	6.373.586.800
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	95.365.169.624	21.845.791.093
Hoạt động khác	97.346.894.719	173.382.650.687
	<u>4.962.048.168.723</u>	<u>4.469.504.139.713</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013	2012
	VND	VND
Hoạt động xây lắp	3.898.760.432.043	3.918.597.876.613
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	583.079.524.245	449.059.950.869
Hoạt động dịch vụ	129.293.572.428	92.557.880.006
Hoạt động tư vấn xây dựng	7.950.944.839	18.974.994.225
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	161.233.465.645	12.121.325.142
Hoạt động khác	127.463.708.328	188.695.404.540
	4.907.781.647.528	4.680.007.431.395

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.734.058.374	25.482.655
Lãi tiền gửi, ký quỹ ngân hàng	30.293.922.960	86.763.382.347
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.386.000.000	8.559.078.131
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.570.965.460	1.157.318.459
Lãi chuyển nhượng cổ phần	6.829.692.818	7.621.587.521
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.468.877.151	24.969.467.424
	73.283.516.763	129.096.316.537

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	454.402.187.209	475.987.230.490
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	216.935.063.318	35.784.533.222
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	67.598.108.120	26.912.306.074
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	62.170.878.694	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(898.160.029)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	770.309.109	31.629.294.024
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	9.494.877.145
Chi phí tài chính khác	9.602.595.998	8.288.929.501
	811.479.142.448	587.199.010.427

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.413.728.058.926	1.053.348.474.989
Chi phí nhân công	547.671.091.484	743.992.616.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	208.428.977.253	247.047.119.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.211.536.138.175	2.287.802.526.124
Chi phí dự phòng	1.095.413.833.873	403.553.061.472
Chi phí thuê ngoài và bằng tiền khác	297.737.187.041	584.786.607.672
	6.774.515.286.752	5.320.530.405.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và 26 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	3.497.953.476.223	4.156.873.050.044
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.597.774.161.145	736.104.188.896
Nợ thuần	1.900.179.315.078	3.420.768.861.148
Vốn chủ sở hữu	1.081.194.933.441	2.848.113.343.812
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>1,76</u>	<u>1,20</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.597.774.161.145	736.104.188.896
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.319.649.317.026	2.226.441.601.079
Đầu tư ngắn hạn	47.219.783.066	229.958.611.401
Đầu tư dài hạn	601.296.596.778	734.427.423.970
Các khoản ký quỹ	1.044.388.658.613	1.684.618.981.560
Tổng cộng	<u>4.610.328.516.628</u>	<u>5.611.550.806.906</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	3.497.953.476.223	4.156.873.050.044
Phải trả người bán và phải trả khác	2.724.146.247.059	2.522.417.610.134
Chi phí phải trả	839.266.656.590	621.428.483.244
Tổng cộng	<u>7.061.366.379.872</u>	<u>7.300.719.143.422</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá toàn bộ giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Giá trị các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty thực hiện đánh giá theo giá trị thị trường thay đổi so với giá trị trên sổ kế toán là khoảng 172 tỷ VND.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	99.011.744.800	5.110.040.008.803	1.475.220.360.217	2.530.716.090.251
Euro (EUR)	3.687.581.313	-	-	-
Yên Nhật (JPY)	-	1.173.825.688	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ, Đồng Euro và Đồng Yên Nhật.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì (lỗ) trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ (Tiếp theo)

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	137.620.861.542	(257.932.391.855)
Euro (EUR)	(368.758.131)	-
Yên Nhật (JPY)	-	(117.382.569)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lỗ trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ tăng/(giảm) với số tiền tương ứng như sau:

	<u>Tăng/(Giảm) số điểm</u>	<u>Ảnh hưởng đến lỗ</u>
	<u>cơ bản</u>	<u>trước thuế</u>
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND		
VND	200	25.022.194.942
	(200)	(25.022.194.942)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND		
VND	200	60.198.647.363
	(200)	(60.198.647.363)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Theo Quyết định số 2334a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, Nghị quyết số 113/NQ-XLTK ngày 13 tháng 02 năm 2014 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và Nghị quyết số 185/NQ-XLTK ngày 10 tháng 3 năm 2014, Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện quyết định thoái vốn một số khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong giai đoạn 2013 đến 2015 (Như trình bày tại Thuyết minh số 40).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 37.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.597.774.161.145	-	1.597.774.161.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.120.439.632.261	199.209.684.765	1.319.649.317.026
Đầu tư tài chính	47.219.783.066	601.296.596.778	648.516.379.844
Các khoản ký quỹ	1.035.230.009.451	9.158.649.162	1.044.388.658.613
Tổng cộng	3.800.663.585.923	809.664.930.705	4.610.328.516.628
Phải trả người bán và phải trả khác	2.724.146.247.059	-	2.724.146.247.059
Chi phí phải trả	839.266.656.590	-	839.266.656.590
Các khoản vay	2.449.046.309.046	989.726.809.266	3.438.773.118.312
Công nợ tài sản tài chính đi thuê	26.578.000.925	32.602.356.986	59.180.357.911
Tổng cộng	6.039.037.213.620	1.022.329.166.252	7.061.366.379.872
Chênh lệch thanh khoản thuần	(2.238.373.627.697)	(212.664.235.547)	(2.451.037.863.244)

10
 CI
 ÁCH
 DI
 VI
 /6/

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	736.104.188.896	-	736.104.188.896
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.221.085.617.210	5.355.983.869	2.226.441.601.079
Đầu tư tài chính	229.958.611.401	734.427.423.970	964.386.035.371
Các khoản ký quỹ	1.684.618.981.560	-	1.684.618.981.560
Tổng cộng	4.871.767.399.067	739.783.407.839	5.611.550.806.906
Phải trả người bán và phải trả khác	2.522.417.610.134	-	2.522.417.610.134
Chi phí phải trả	621.428.483.244	-	621.428.483.244
Các khoản vay	2.657.865.125.504	1.271.293.160.443	3.929.158.285.947
Công nợ tài sản tài chính đi thuê	30.880.536.140	196.834.227.957	227.714.764.097
Tổng cộng	5.832.591.755.022	1.468.127.388.400	7.300.719.143.422
Chênh lệch thanh khoản thuần	(960.824.355.955)	(728.343.980.561)	(1.689.168.336.516)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty có rủi ro thanh khoản cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Kế hoạch tăng cường khả năng thanh khoản được trình bày tại Thuyết minh số 2.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2013	2012
	VND	VND
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.473.971.988.341	1.278.698.514.382

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	5.212.329.551	5.779.506.854

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	132.878.034.531	105.388.285.041
Phải thu từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	174.092.519.145	162.588.361.959
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	4.856.114.003.159	5.224.643.775.905
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	92.347.395.650	113.972.424.696
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.638.566.712	10.939.597.554
Phải trả các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	137.914.031.148	127.832.821.968
Ứng trước cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	354.493.668	1.288.278.489
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.008.154.052	-
Phải thu khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	33.054.288.779	133.088.891.446
Phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	237.384.966.691	228.847.366.691
Phải trả khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	89.506.400.514	35.249.408.554
Các khoản vay		
Ngân hàng TMCP Đại Dương		
- Vay ngắn hạn		
- Vay dài hạn	1.063.239.379.370	1.146.940.681.902
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)		
- Vay ngắn hạn	214.532.843.707	453.772.320.115
- Vay dài hạn	83.768.641.282	239.880.556.470
- Vay dài hạn	320.841.540.236	266.795.315.430

25
 G
 M
 D
 N

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty mẹ - Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các Ngân hàng và tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Đơn vị được bảo lãnh	Ngân hàng, tổ chức tín dụng	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh tại ngày 31/12/2013	Dư nợ vay quá hạn tại ngày 31/12/2013	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả tại ngày 31/12/2013
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	79.668.464.073	79.668.464.073	-
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	-
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	-
PVC-Metal	Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 20/9/2012	18.418.688.119	18.418.688.119	9.209.344.060
PVC-IMICO	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - PGD Ngô Quyền	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 21/4/2012	99.700.000.000	99.700.000.000	49.850.000.000
PVC-MT	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Đà Nẵng	Từ ngày 26/6/2012 đến ngày 26/12/2012	48.563.059.336	48.563.059.336	-
PVC - KBC	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	Từ ngày 19/12/2011 đến ngày 30/6/2012	31.954.650.159	31.954.650.159	15.977.325.080
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 8	Từ ngày 31/5/2012 đến ngày 31/12/2012	127.726.771.148	127.726.771.148	127.726.771.148
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	49.956.156.252
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/7/2009 đến ngày 31/7/2013	42.383.842.350	42.383.842.350	-
PVC-MT	Cộng khoản bảo lãnh đến hạn và đã quá hạn		612.602.103.106	612.602.103.106	252.719.596.540
PVC-MT	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Từ ngày 09/3/2010 đến ngày 08/3/2015	4.168.870.917	-	-
PVC1	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Từ ngày 04/5/2009 đến ngày 04/5/2014	5.410.198.633	-	-
Tổng cộng			622.181.172.656	612.602.103.106	252.719.596.540

Công ty mẹ - Tổng Công ty cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho tổ chức cho vay một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho tổ chức cho vay.

Công ty mẹ - Tổng Công ty đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, ngoài ra, khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã đến hạn và quá hạn tính theo thời hạn thư bảo lãnh là khoảng 612,6 tỷ VND. Trong năm 2013, Tổng Công ty đã dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cho các khoản bảo lãnh nêu trên và ghi nhận vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm là khoảng 216,9 tỷ VND, lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là khoảng 252,7 tỷ VND (năm 2012 là khoảng 35,8 tỷ VND). Tính đến thời điểm lập báo cáo này, Tổng Công ty vẫn đang đàm phán với các tổ chức cho vay về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh, cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh để giải chấp các thư bảo lãnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đang trong quá trình tiếp tục thực hiện dự án này. Theo Công văn số 3405/DKVN-HDTV ngày 04 tháng 5 năm 2012 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) trình Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý các phát sinh chưa lường hết của Hợp đồng EPC-Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, do Nhà thầu chưa lường hết các rủi ro, phần việc phát sinh ngoài giá trị hợp đồng đã ký dự kiến khoảng 1.121 tỷ VND, giá trị Nhà thầu kiến nghị giải quyết là 1.042 tỷ VND và giá trị Ban QLDA kiến nghị giải quyết là 735 tỷ VND. Theo Công văn số 2060/BXD-KTXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng, PVN được quyền xem xét, quyết định giá trị thanh toán phát sinh chưa lường hết được cụ thể cho các nhà thầu trên cơ sở thiết kế bản vẽ thi công, khối lượng thực tế triển khai được Chủ đầu tư phê duyệt và dự toán phát sinh được các đơn vị tư vấn có chức năng lập, thẩm tra nhưng không được vượt quá giá trị Tổng mức đầu tư Dự án đã được phê duyệt. Giá trị phần phát sinh chưa lường hết đã được thẩm tra theo Báo cáo kết quả thẩm tra Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 số 1810/VKT-TTTV ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng về việc “Thẩm tra Tổng mức đầu tư điều chỉnh Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (lần 2)” đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 327 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Hiện tại, Tổng Công ty đang đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc “Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc”, tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án đang tạm dừng triển khai. Hiện tại, Tổng Công ty đang đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

40. SỰ KIẾN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Theo Công văn số 456/DAD ngày 27 tháng 01 năm 2014 về việc “tạm ngừng thi công Công trình Nhà hỗn hợp HH1 tại tiểu khu I, II của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro”, Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro yêu cầu Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con của Tổng Công ty) tạm ngừng thi công Công trình Nhà hỗn hợp HH1 để các bên liên quan tổ chức kiểm tra, rà soát và hoàn thiện các thủ tục pháp lý, hồ sơ tài liệu thi công theo đúng quy định hiện hành, nhằm đảm bảo chất lượng, an toàn và đúng thủ tục pháp lý theo quy định. Công trình HH1 sẽ được tiếp tục thi công sau khi có văn bản yêu cầu chính thức của Vietsovpetro và các công việc sau đây hoàn thành:

- Bổ sung Hợp đồng về phạm vi công việc, giá trị chính thức cho hạng mục “Phần ngầm”, “Phần thân BTCT, xây thô” công trình HH1 thay thế cho phạm vi công việc và giá trị tạm tính tương ứng nêu trong Hợp đồng nguyên tắc số 0193/T-N3/DDHXD1-PVC.IC ký ngày 18 tháng 02 năm 2012.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

40. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ (Tiếp theo)

- Bổ sung Hợp đồng về phạm vi công việc, giá trị chính thức cho hạng mục "Phần hoàn thiện".
- Hạng mục "Phần ngầm" được nghiệm thu và hoàn thành bản vẽ hoàn công.
- Hoàn thiện hồ sơ tài liệu đáp ứng yêu cầu về quản lý chất lượng và an toàn lao động.

Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, công trình chưa được tiếp tục thi công do phần lớn các công việc nêu trên vẫn đang được các bên liên quan hoàn thiện.

Ngày 08 tháng 01 năm 2014, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 01/QĐ-BQL quyết định chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp cho Tổng Công ty thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã có Quyết định số 238/QĐ-DKVN ngày 09 tháng 01 năm 2014 về việc dừng thực hiện Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN về việc chuyển giao cho Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư Khu công nghiệp Tàu thủy Soài Rạp - Tiền Giang, theo đó PVN chấp thuận nguyên tắc thanh toán cho Tổng Công ty các chi phí Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư vào dự án kể từ thời điểm PVN ký biên bản bàn giao đến thời điểm có quyết định dừng chuyển nhượng dự án. Đồng thời ngày 20 tháng 01 năm 2014, PVN có Công văn số 470/DKVN-TCKT gửi UBND tỉnh Tiền Giang đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang chỉ đạo Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang không thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014 và đề nghị nhận lại dự án từ Tổng Công ty. Ngày 27 tháng 02 năm 2014, UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Thông báo số 32/TB-UBND, thống nhất chủ trương cho lùi thời hạn có hiệu lực của Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng Tổng Công ty sẽ được PVN thanh toán đầy đủ cho các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh có thể có nào liên quan đến các sự kiện trên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Nghị quyết số 113/NQ-XLKD phê duyệt phương án tái cơ cấu một số đơn vị thành viên của Tổng Công ty và Nghị quyết số 185/NQ-XLKD ngày 10 tháng 3 năm 2014 chấp thuận chủ trương thoái phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, theo đó Tổng Công ty sẽ thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư tài chính dài hạn là các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán trong năm 2014 và 2015 với giá bán không thấp hơn giá trị cổ phiếu khi góp vốn/đầu tư. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn nắm quyền kiểm soát các đơn vị này. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Nghị quyết số 158/NQ-XLKD ngày 28 tháng 02 năm 2014 và Nghị quyết số 159/NQ-XLKD ngày 03 tháng 3 năm 2014 chấp thuận chủ trương chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long và Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam SSG. Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các nghị quyết nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.



Bùi Hoàng Giang
Người lập

Ngày 31 tháng 3 năm 2014



Lưu Đức Hoàng
Kế toán trưởng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Ngọc Hưng